

Số: /2021/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 02 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 27 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 03 tháng 02 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính; LĐ, TB & XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- VKSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- C, PCVP, CV VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Lạng Sơn, Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm

QUY ĐỊNH

**Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Điều 1. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo. Ngoài kinh phí do ngân sách cấp trên hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ công tác và khả năng ngân sách, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp huyện, cấp xã để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; tuân thủ chế độ, định mức tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tiếp tục sử dụng các phương tiện, thiết bị đã được trang bị để phục vụ bầu cử, trường hợp còn sử dụng được; đồng thời, huy động các phương tiện đã được trang bị phục vụ công tác để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

5. Trường hợp cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung, mức chi quy định tại Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nội dung và mức chi

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi xây dựng văn bản				

1.1	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.		
1.2	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (ngoài các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý) do Ban chỉ đạo và Ủy ban bầu cử các cấp, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ban hành:				
-	Kế hoạch; Chỉ thị; Nghị quyết; Văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác bầu cử	Đồng/văn bản	1.500.000	700.000	300.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia (tổng mức chi xin ý kiến tối đa 1.000.000 đồng/người/văn bản)				
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần	100.000		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/người/lần	300.000		
2	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của tỉnh.		Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.		
3	Chi tổ chức hội nghị				

3.1	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.		
3.2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.		
3.3	Chi hỗ trợ cử tri tham gia Hội nghị tiếp xúc cử tri để người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện việc vận động bầu cử (tại huyện, thành phố, tại các xã, phường, thị trấn)	Đồng/cử tri /hội nghị.		30.000	
4	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử				
4.1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
-	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/ buổi	80.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/ buổi	50.000	40.000	30.000
4.2	Chi phương tiện đi lại, công tác phí và chế độ ngoài chế độ công tác phí				
-	Chi phương tiện đi lại, công tác phí		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.		
-	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:				

+	Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	Đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
+	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	Đồng/người/ buổi	80.000	70.000	50.000
+	Các đối tượng phục vụ trực tiếp	Đồng/người/ buổi	50.000	40.000	30.000
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
5.1	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:				
-	Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Phó trưởng ban chỉ đạo; Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	1.500.000	800.000	400.000
-	Các thành viên còn lại của Ban chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	700.000	400.000	200.000
-	Các thành viên Ban bầu cử còn lại	Đồng/người/ tháng	400.000	250.000	150.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc (đối với cấp tỉnh và cấp huyện)				
+	<i>Tổ trưởng</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>	<i>700.000</i>	<i>500.000</i>	
+	<i>Tổ phó</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>	<i>600.000</i>	<i>400.000</i>	
+	<i>Chuyên viên giúp việc còn lại</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	
-	Tổ bầu cử				
+	<i>Tổ trưởng</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>			<i>150.000</i>
+	<i>Thư ký</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>			<i>120.000</i>
+	<i>Các thành viên còn lại</i>	<i>Đồng/người/ tháng</i>			<i>100.000</i>
5.2	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc, Tổ bầu cử) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.	Đồng/người/ ngày	100.000	100.000	100.000

5.3	Các đối tượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ ngày	120.000	120.000	120.000
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
-	Trưởng Ban chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Phó trưởng Ban chỉ đạo, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	300.000	200.000	100.000
-	Trưởng ban và Phó ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	200.000	100.000	100.000
-	Các thành viên còn lại của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử;	Đồng/người/ tháng	200.000	100.000	0
7	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/ngày/ người	120.000	90.000	60.000
8	Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử				
-	Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.		
-	Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.		

9	Chi phí khắc dấu, đóng hòm phiếu và bảng niêm yết danh sách bầu cử		
9.1	Chi khắc dấu:	Đồng/dấu	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.
9.2	Chi đóng hòm phiếu	Đồng/hòm phiếu	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
9.3	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	Đồng/bảng	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.
10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt.
-	Riêng đối với xã, phường, thị trấn mức thực hiện hỗ trợ như sau:		
+	Hỗ trợ đảm bảo An ninh, trật tự	Đồng/xã, phường, thị trấn	1.000.000
+	Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền (tuyên truyền công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn xã, phường, thị trấn; trang trí băng zôn, khẩu hiệu, thu thập hình ảnh tư liệu, tuyên truyền trên loa đài, tài liệu tuyên truyền...)	Đồng/xã, phường, thị trấn	1.500.000
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: Văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

-	Chi hỗ trợ đối với chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử (trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ, văn phòng phẩm, làm vách ngăn tại nơi bỏ phiếu, chi phí khác phục vụ công tác cầu cử) cho các Tổ bầu cử	Đồng/Tổ bầu cử	1.500.000
---	---	----------------	-----------

Điều 3. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử: căn cứ thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, cụ thể:

- a) Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp: tối đa không quá 05 tháng;
- b) Ban bầu cử các cấp: tối đa không quá 03 tháng;
- c) Tổ bầu cử: tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc, Tổ bầu cử) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, cụ thể:

- a) Cấp tỉnh: không quá 10 ngày.
- b) Cấp huyện: không quá 05 ngày.
- c) Cấp xã: không quá 03 ngày.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền):

- a) Cấp tỉnh, cấp huyện: thời gian được hưởng tối đa không quá 05 tháng.
- b) Cấp xã (chỉ thực hiện hỗ trợ cho Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng ban và Phó ban bầu cử): thời gian được hưởng tối đa không quá 02 tháng./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm